TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày: 22-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trọng Nhân** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Thanh T, sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Phạm Văn B, sinh năm 1955 và bà Trương Thị C, sinh năm 1964 (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Gia đình 05 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, Tiền sự: Không có; Tạm giữ, Tạm giam: Không có; Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T là: Bà **Võ Thị Mỹ T1** là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ.

Bị hại: **Dương Nhật K**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt)

Người làm chứng: **Trịnh Thị H**, (tên gọi khác: H1) sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ tạm trú: Khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 00 ngày 23/3/2023 Phạm Thanh T làm thuê xong, T chạy xe về nhà khi đi đến Ủy ban nhân dân xã N thấy mệt nên T vào phòng nghỉ của Ban chỉ huy quân sự xã N để nằm ngủ (do trước đây T là dân quân của xã N). Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T thức dậy thấy trong phòng ngủ của anh Dương Nhật K, sinh năm 1990, nơi thường trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp không có ai nên T đi vào mở cặp của K để trên giường lấy trộm điện thoại di động Iphone 12 Pro Max bỏ vào người rồi ra xe mô tô chạy về nhà cất giấu trong tủ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T điện thoại cho bạn gái Trịnh Thị H (tên thường gọi là H1), sinh năm 1987, nơi thường trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (tạm trú và sinh sống tại khóm C, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp) đi đến Khu 500 căn thuộc phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để gặp và tại đây T đưa cho H 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max nhờ cất giữ. Đến ngày 24/03/2023, Công an xã N mời T làm việc thì T thừa nhận hành vi trộm điện thoại trên.

Đồng thời làm việc với H, H đã giao nộp chiếc điện thoại tiến hành thu giữ vật chứng là 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax số máy MGCK3LL/A; số sêri: F2LDN19V0D43, số imei 1:356718115615830, số imei 2: 356718115930221; 01 thẻ sim: Mobiphone, trên sim có in số 8401181192348428 WD, số thuê bao 0896739942; 01 ốp lưng điện thoại Iphone 12 Promax bằng nhựa trong suốt đã qua sử dụng.

Tại Biên bản và kết luận định giá tài sản số: 17/BB-HDĐGTTHS, ngày 28/04/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax số máy MGCK3LL/A, số sêri: F2LDN19V0D43; số imei 1:356718115615830, số imei 2: 356718115930221; 01 thẻ sim Mobiphone, trên sim có in số 8401181192348428WD, số thuê bao 0896739942; 01 ốp lưng điện thoại Iphone 12 Promax bằng nhựa trong suốt đã qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản là 14.645.000 đồng.

Vào ngày 11/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, kèm theo thẻ sim, ốp lưng bằng nhựa trong suốt đã qua sử dụng cho anh K và anh K không yêu cầu gì thêm.

Đối với bà Trịnh Thị H do không biết điện thoại mà bị cáo T đưa cất giữ là tài sản trộm cắp mà có nên bà H không phải là đồng phạm trong vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý đối với bà H.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phạm Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của

người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSHCL ngày 27/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội "T rộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết, không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp gì.

Bà Võ Thị Mỹ T1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt và các vấn đề khác áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, bản thân thuộc diện hộ cận nghèo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, xử phạt bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không trình bày lời sau cùng để Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị

cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 33/CT-VKSHCL ngày 27/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo.

Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 23/3/2023 tại Ban chỉ huy Quân sự xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên đã lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, có gắn ốp lưng bằng nhựa trong suốt, bên trong điện thoại có lắp sim đang hoạt động. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại là 14.645.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thanh T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

..."

[3] Xét hành vi của bị cáo Phạm Thanh T, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo còn khai rằng biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải

tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, khi lượng hình cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, anh Dương Nhật K đã nhận đủ tài sản bị mất và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm bất cứ khoản nào phù hợp theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Thanh T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm do thuộc diện hộ cận nghèo.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh về tội danh, điều luật truy tố và các vấn đề khác là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T là có căn cứ chấp nhận một phần.

[11] Riêng bà Trịnh Thị H không biết điện thoại do bị cáo T trộm cắp, không có căn cứ xử lý hình sự về hành vi đồng phạm trong vụ án nên Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện C không xem xét xử lý đối với bà H là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Thanh T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong, không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Phạm Thanh T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm do thuộc diện hộ cận nghèo.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Cơ quan CSĐT Công an HCL;
- CQ THAHS &HTTP CAHCL;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa